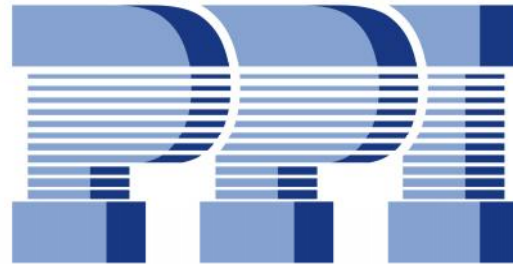


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**PACIFIC PROPERTY & INFRASTRUCTURE
DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**

I U L
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
HỆ THỐNG VÀ BẢO TRÌ SỬ DỤNG
THÁI BÌNH ĐƯỜNG

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 12 năm 2009

M C L C

PH N M U 4

I.	NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L 4	
i u 1.	nh ngh a.....	4
II.	TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY 4	
i u 2.	Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	4
III.	M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY 5	
i u 3.	M c tiêu ho t ng c a Công ty.....	5
i u 4.	Ph m vi kinh doanh và ho t ng.....	6
IV.	V N I U L , C PH N 6	
i u 5.	V n i u l , c ph n, c ông sáng l p	6
i u 6.	Ch ng ch c phi u	7
i u 7.	Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 8.	Chuy n nh ng c ph n	8
i u 9.	Thu h ic ph n	9
V.	C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT 10	
i u 10.	C c ut ch c qu n lý	10
VI.	C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG 10	
i u 11.	Quy n c ac ông	10
i u 12.	Ngh a v c ac ông	11
i u 13.	i h i ng c ông.....	12
i u 14.	Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	13
i u 15.	Các i di n c y quy n	14
i u 16.	Thay i các quy n.....	15
i u 17.	Tri ut ph p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông.....	16
i u 18.	Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	18
i u 19.	Th th c ti n hành h p và bi u quy t ti i h i ng c ông.....	18
i u 20.	Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	20
i u 21.	Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	21
i u 22.	Biên b nh p i h i ng c ông.....	22
i u 23.	Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	23
VII.	H I NG QU N TR 23	
i u 24.	Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	23
i u 25.	Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	24
i u 26.	Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng qu n tr	27
i u 27.	Các cu ch p c a H i ng qu n tr	28
VIII.	T NG GIÁM C, CÁN B QU N LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY 31	
i u 28.	T ch c b máy qu n lý.....	31
i u 29.	Cán b qu n lý.....	31
i u 30.	B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c.....	32
i u 31.	Th ký Công ty.....	34
IX.	NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , T NG GIÁM C VÀ CÁN B QU N LÝ 34	
i u 32.	Trách nhi m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý.....	34
i u 33.	Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	34
i u 34.	Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	36

X.	BAN KI M SOÁT 36	
	i u 35. Thành viên Ban ki m soát	36
	i u 36. Ban ki m soát.....	37
XI.	QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY 38	
	i u 37. Quy n i u tra s sách và h s	38
XII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN 39	
	i u 38. Công nhân viên và công oàn.....	39
XIII.	PHÂN CHIA L I NHU N 39	
	i u 39. C t c.....	39
	i u 40. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	40
XIV.	TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN 41	
	i u 41. Tài kho n ngân hàng.....	41
	i u 42. Qu d tr b sung v n i u l	41
	i u 43. N m tài chính.....	41
	i u 44. H th ng k toán.....	41
XV.	BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG 41	
	i u 45. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý	41
	i u 46. Công b thông tin và thông báo ra công chứng	42
XVI.	KI M TOÁN CÔNG TY 42	
	i u 47. Ki m toán.....	42
XVII.	CON D U 43	
	i u 48. Con d u.....	43
XVIII.	CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ 43	
	i u 49. Ch m d tho t ng.....	43
	i u 50. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông.....	44
	i u 51. Thanh lý.....	44
XIX.	GI I QUY T TRANH CH P N I B 45	
	i u 52. Gi i quy t tranh ch p n i b	45
XX.	B SUNG VÀ S A I I U L 45	
	i u 53. B sung và s a i i u l	45
XXI.	NGÀY HI U L C 46	
	i u 54. Ngày hi u l c.....	46
	i u 55. Ch ký c a Ng i i di n tr c pháp lu t./.....	46

PHỤ LỤC

Điều này được công bố Công ty thông qua theo quy định tại ngày 8 tháng 8 năm 2009 và quy định của các điều kiện công bố hình thức lý kiến bản quy định thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. NỘI DUNG CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều này, thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các công đồng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cơ quan lý" là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thị trường" là thị trường của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong điều này, các tham chiếu từ những quy định khác của pháp luật khác bao gồm các quy định của pháp luật thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chính, phụ của điều này) sẽ được ghi nhận từ nội dung của văn bản và không nhất thiết phải trùng khớp với nội dung của điều này;
4. Các thuật ngữ trong đây sẽ có nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với cách hiểu thông thường) sẽ có nghĩa tại đây trong điều này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐIỀU KIỆN VÀ THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng điều kiện và thị trường hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần phát triển hạ tầng & bất động sản Thái Bình Dương.**
 - Tên tiếng Anh: **Pacific Property & Infrastructure Development and Investment Joint Stock Company.**

- o Tên viết tắt: **PPI JSC**
- o Biểu tượng của Công ty: Là biểu tượng thể hiện và đăng ký g n v i
thể hiện của Công ty như sau:



2. Công ty là công ty cổ phần có trách nhiệm phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ: 31/21 Kha Văn Cân – Phường Hiệp Bình Chánh - Quận Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh.

- o Điện thoại: (08) 37269701 - (08) 37267058.
- o Fax: (08) 37269872
- o E-mail: info@PPIgroup.com.vn
- o Website: www.PPIgroup.com.vn

4. Chức năng kinh doanh của Công ty là đi đầu theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đi đầu tại các bàn kinh doanh thể hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Từ khi chấm dứt hoạt động trước thì hiện theo điều 49.2 và điều 50 theo điều 1 này, thì hiện hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Xây dựng các công trình: Giao thông công nghiệp, dân dụng, thể thao, y tế, ...
- Thí nghiệm vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình không do công ty thi công.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa, gia công cơ khí.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu đô thị.
- Kinh doanh nhà.
- Mua bán và tổ chức thi đấu thể thao và các ngành giao thông vận tải.
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú (không sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xi măng, gia công cơ khí, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ lưu trú).
- Trồng lúa, ngô, cây lương thực có hạt, rau, củ, hoa, cây cảnh, cây ăn quả. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác gỗ.
- Dịch vụ du lịch, dịch vụ hành tua du lịch. Dịch vụ hỗ trợ liên quan du lịch và thể thao du lịch.
- Bán lẻ thực phẩm, quần áo, đồ gia dụng, đồ mỹ nghệ, đồ lưu niệm. Sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ.
- Dịch vụ vận tải hàng không.
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty sẽ thành lập huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng các dự án, các công trình và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận: Tạo việc làm cho người lao động; Đóng góp cho các Công ty; Đóng góp ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Các mục tiêu trên sẽ được thể hiện trong quy định chi tiết Công ty hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo pháp luật cho phép và theo Hội đồng quản trị phê duyệt.

IV. VỐN ĐẦU TƯ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn đầu tư, cổ phần, công suất

1. Vốn đầu tư của Công ty được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và thay đổi theo tình hình thực tế.

Số lượng cổ phần của công ty bằng Vốn đầu tư chia cho mệnh giá mỗi cổ phần. Mệnh giá cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể ngừng việc kinh doanh thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các thành viên Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là thành viên phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo thành viên quy định tại điều 11, điều 12 điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phiếu khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Thành viên phổ thông ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phiếu phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phiếu, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phiếu chào bán và thời hạn ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) công nhân viên có thể ký mua. Số cổ phiếu công nhân viên không ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phiếu đó cho các cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không bán số cổ phiếu đó theo các điều kiện thu lợi nhuận so với những cá nhân đã chào bán cho các công nhân viên, trừ trường hợp Hội đồng chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phiếu bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phiếu do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phiếu ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức quy định trong điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phiếu phổ thông do Công ty mua lại là phi ưu đãi và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi Hội đồng quản trị thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Công ty của Công ty cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu và loại cổ phiếu của họ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà công nhân viên nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phiếu.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sử dụng căn hộ theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo yêu cầu của chủ đầu tư) kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua căn hộ theo quy định thì phải nộp án phát hành chứng chỉ của Công ty, người sử dụng căn hộ sẽ cấp chứng chỉ chứng chỉ. Người sử dụng căn hộ không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ chứng chỉ hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp chuyển nhượng bất động sản căn hộ ghi danh trong chứng chỉ chứng chỉ ghi danh, chứng chỉ sổ hộ khẩu và chứng chỉ miễn thuế thu nhập cá nhân còn liên quan đến căn hộ.

5. Trường hợp chứng chỉ ghi danh bất động sản bị hủy hoặc bị xóa hoặc bị đình chỉ, chứng chỉ hoặc tiêu hủy, người sử dụng căn hộ ghi danh có thể yêu cầu cấp chứng chỉ chứng chỉ mới và chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sử dụng chứng chỉ ghi danh vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất hoặc bị sử dụng vì mục đích khác.

7. Công ty có thể phát hành chứng chỉ ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hình thức quản lý có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng chỉ ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) sẽ chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hình thức quản lý có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và luật này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các trường hợp chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đi theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các yêu cầu và yêu cầu phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng chứng chỉ

1. Tất cả các chứng chỉ có thể được chuyển nhượng trừ khi luật này và pháp luật có quy định khác. Chứng chỉ niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Công phần thanh toán này không chuyển nhượng và hưởng t c.

Điều 9. Thu hồi phần

1. Trường hợp công không thanh toán này và ứng hưởng tiền phí mua c phi u, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tín đó và nhng chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tính từ ngày ký kết ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo ứng yêu cầu, số phần thanh toán h t s b thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thực hiện, trừ khi thanh toán này tất các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quy định thu hồi số phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần b thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.

4. Công phần b thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc g i quy t cho người đã sở hữu công phần b thu hồi hoặc các cá nhân khác theo nhng điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công nợ mới công phần b thu hồi sẽ bị t cách công i v i nhng công phần đó, nhng vẫn phải thanh toán tất các khoản tín có liên quan công v i tín lãi theo t l (không quá 1,5 l n lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quy định về việc công thanh toán toàn bộ giá trị phi u vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ gửi ngay đến mới công phần b thu hồi trực tiếp thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể trong trường hợp có sai sót hoặc bất c n trong việc gửi thông báo.

V. C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T

i u 10. C c u t c h c q u n l ý

C c u t c h c q u n l ý c a C ô n g t y b a o g m:

- a. i h i n g c ô n g;
- b. H i n g q u n t r ;
- c. T n g g i á m c ;
- d. B a n k i m s o á t.

VI. C Ô N G V À I H I N G C Ô N G

i u 11. Q u y n c a c ô n g

1. C ô n g l à n g i c h s h u C ô n g t y, c ó c á c q u y n v à n g h a v t n g n g t h e o s c p h n v à l o i c p h n m à h s h u. C ô n g c h c h u t r á c h n h i m v n v à c á c n g h a v t à i s n k h á c c a C ô n g t y t r o n g p h m v i s v n ã g ó p v à o C ô n g t y.

2. N g i n m g i c p h n p h t h o n g c ó c á c q u y n s a u:

a. T h a m g i a c á c i h i n g c ô n g v à t h c h i n q u y n b i u q u y t t r c t i p h o c t h o n g q u a i d i n c u q u y n;

b. N h n c t c;

c. T d o c h u y n n h n g c p h n ã c t h a n h t o á n y t h e o q u y n h c a i u l n à y v à p h á p l u t h i n h à n h;

d. c u t i e n m u a c p h i u m i c h à o b á n t n g n g v i t l c p h n p h t h o n g m à h s h u;

e. K i m t r a c á c t h o n g t i n l i e n q u a n n c ô n g t r o n g d a n h s á c h c ô n g t c á c h t h a m g i a i h i n g c ô n g v à y ê u c u s a i c á c t h o n g t i n k h ó n g c h í n h x á c;

f. X e m x é t, t r a c u, t r í c h l c h o c s a o c h p i u l c ô n g t y, s b i e n b n h p i h i n g c ô n g v à c á c n g h q u y t c a i h i n g c ô n g;

g. T r n g h p C ô n g t y g i i t h , c n h n m t p h n t à i s n c ò n l i t n g n g v i s c p h n g ó p v n v à o c ô n g t y s a u k h i C ô n g t y ã t h a n h t o á n c h o c h n v à c á c c ô n g l o i k h á c t h e o q u y n h c a p h á p l u t;

h. Yêu cầu Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ã ng h p quy ã nh t i i u 90.1 c a Lu t Doanh nghi p;

i. Các quy n khác theo quy ã nh c a i u l này và pháp lu t.

3. C ã ông ho c nhóm c ã ông n m gi ã trên 5% t ã ng s c ph n ph ã thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr ã lên có các quy n sau:

a. c các thành viên H i ã ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy ã nh t ã ng t i các i u 24.2 và i u 35.2;

b. Yêu cầu tri u t p i h i ã ng c ã ông;

c. Ki m tra và nh n b n sao ho c b n trích d n danh sách các c ã ông có quy n tham d và b phi u t i h i ã ng c ã ông.

d. Yêu cầu Ban ki m soát ki m tra t ã ng v n c th liên quan ã n qu n lý, i u hành ho t ã ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu cầu ph i th hi n b ã ng v n b n; ph i có h , tên, ã ch th ã ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ã ng minh nhân dân, H ã chi u ho c ch ã ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ã ông là cá nhân; tên, ã ch th ã ng trú, qu c t ch, s quy t ã nh thành l p ho c s ã ng ký kinh doanh i v i c ã ông là t ch c; s l ã ng c ph n và th i i m ã ng ký c ph n c a t ã ng c ã ông, t ã ng s c ph n c a c ã nhóm c ã ông và t l s h u trong t ã ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;

e. Các quy n khác c quy ã nh t i i u l này.

i u 12. Ngh a v c a c ã ông

C ã ông có ngh a v ã sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t ã nh c a i h i ã ng c ã ông, H i ã ng qu n tr ;

2. Thanh toán t i n mua c ph n ã ã ng ký mua theo quy ã nh;

3. Cung c p ã ch chính xác khi ã ng ký mua c ph n;

4. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy ã nh c a pháp lu t hi n hành;

5. Ch u trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ãy:

a. Vi ph m pháp lu t;

b. T i n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ của nhà nước ngay về tài chính có thể xảy ra ở ví công ty.

điều 13. Nghĩa công

1. Nghĩa công là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp nghĩa công thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập. Nghĩa công họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nghĩa công thường niên và làm nhiệm vụ phụ trợ. Nghĩa công thường niên quy định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kế toán viên công ty có nhiệm vụ tham dự nghĩa công và công bố thông tin qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị thực hiện nghĩa công bằng những cách thức sau:

a. Hội đồng quản trị xét duyệt những lợi ích của Công ty;

b. Bổ sung kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kế toán của năm tài chính phần ảnh hưởng của bất kỳ năm nào;

c. Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn sự thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn năm thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Công ty hoặc nhóm công ty như điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp nghĩa công bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các công ty liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản có chữ ký của tất cả các công ty có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp của Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quy định của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp nghĩa công bằng những cách thức sau:

a. Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp nghĩa công trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc những yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp hội đồng theo quy định khoản 4a điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp hội đồng theo quy định khoản 5 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp hội đồng theo quy định khoản 4b điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công đồng, nhóm công đồng có yêu cầu quy định khoản 3d điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp hội đồng theo quy định khoản 6 điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng triệu tập họp hội đồng có thể ngừng quan hệ ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp hội đồng của công ty hoàn toàn do công đồng chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công đồng chi tiêu khi tham dự họp hội đồng, kể cả chi phí ăn và nghỉ.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của hội đồng công đồng

1. Hội đồng công đồng thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Hội đồng công đồng thường niên và bất thường thông qua quyết định bổ nhiệm và bãi nhiệm các vị trí sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mổ xẻ tài khoản thanh toán hàng năm cho mỗi lợi ích phần vốn của Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến lợi ích phần vốn. Mổ xẻ tài khoản này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị ngừng sau khi đã tham khảo ý kiến các công đồng tài trợ hội đồng;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lãnh đạo công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

f. T ng s ti n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;

g. B sung và s a i i u l Công ty;

h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n, và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t Ngày thành l p;

i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;

j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;

k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;

l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;

n. Vi c T ng giám c ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;

o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i i u 120.1 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty;

3. C ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:

a. Các h p ng quy nh t i i u 14.2 i u l này khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;

b. Vi c mua c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó.

4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p ph i c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c ông.

i u 15. Các i di n c y quy n

1. Các c ông có quy n tham d h p i h i ng c ông theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Việc quy định cho người đi nghỉ phép nghỉ công phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp công nhân là người quy định thì phải có chữ ký của công nhân và người quy định;

b. Trường hợp người đi nghỉ theo quy định của công ty là tổ chức là người quy định thì phải có chữ ký của người đi nghỉ theo quy định, người đi nghỉ theo pháp luật của công ty và người quy định;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi nghỉ theo pháp luật của công ty và người quy định.

Người quy định nghỉ phép nghỉ công phải nộp văn bản quy định trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển đi nghỉ, việc chuyển đi nghỉ trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển đi nghỉ đó có xu hướng cùng với người quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của người quy định (nếu trước đó chưa ký với Công ty).

4. Trường hợp quy định từ khoản 3 điều 15, phụ lục quy định của người quy định trong phạm vi người quy định có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người quy định vắng mặt, bệnh nhân nghỉ công hành vi dân sự hoặc bị tạm giam công hành vi dân sự;

b. Người quy định vắng mặt vì các nguyên nhân quy định;

c. Người quy định vắng mặt tham gia các nghĩa vụ công nhân vì các nguyên nhân.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo vắng mặt trong các sự kiện trên bản mặt tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp nghỉ công hoặc trước khi cuộc họp bắt đầu.

Điều 16. Thay đổi các quy định

1. Các quy định của nghỉ công (trong các trường hợp quy định từ điều 14.2 liên quan đến việc phân chia thành các loại phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bị tạm ngừng việc lập pháp sẽ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của ban giám đốc ít nhất 75% quy định bị quy định của phần này phát hành hiệu lực.

2. Vì c t ch c m t cu c h p nh trên ch có giá tr khi có t i thi u hai c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p riêng bi t nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín u có m t lá phi u cho m i c ph n s h u thu c lo i ó.

3. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th ch i n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20.

4. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n l i n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p h p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông, ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i u 13.4b ho c i u 13.4c.

2. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chu n b danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i trong vòng ba m i ngày tr c ngày b t u ti n hành h p i h i ng c ông; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

3. Thông báo h p i h i ng c ông ph i bao g m ch ng trình h p và các thông tin liên quan v các v n s c th o lu n và bi u quy t t i i h i. i v i các c ông ã th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i n t ch c l u ký, ng th i công b trên ph ng tin thông tin c a S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán, trên website c a công ty, 01 t báo trung ng ho c 01 t báo a ph ng n i công ty óng tr s chính. i v i các c ông ch a th c hi n vi c l u ký c phi u, thông báo h p i h i ng c ông có th c g i cho c ông b ng cách chuy n t n tay ho c g i qua b u i n b ng ph ng th c b o m t i a ch ã ng ký c a c ông,

họ c t i a ch do c ông ó cung c p ph c v vi c g i thông tin. Tr ng h p c ông ã thông báo cho Công ty b ng v n b n v s fax họ c a ch th i n t , thông báo h p i h i ng c ông có th c g i t i s fax họ c a ch th i n t ó. Tr ng h p c ông là ng i làm vi c trong Công ty, thông báo có th ng trong phong bì dán kín g i t n tay h t i n i làm vi c. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i tr c ít nh t m i l m ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i họ c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí họ c c b vào hòm th). Tr ng h p Công ty có website, thông báo h p i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty ng th i v i vi c g i thông báo cho các c ông.

4. C ông họ c nhóm c ông c c p t i i u 11.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

5. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 4 c a i u 17 trong các tr ng h p sau:

- a. xu t c g i n không úng th i h n họ c không , không úng n i dung;
- b. Vào th i i m xu t, c ông họ c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng;
- c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

6. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

7. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c t i p tham d họ c thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c họ c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

Điểm 18. Các điều kiện tiến hành họp hội đồng

1. Hội đồng cổ đông tiến hành khi có số cổ đông dự họp ít nhất 65% thành phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có số lượng biểu quyết trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội, hội nghị biểu quyết trực tiếp trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày diễn ra hội đồng lập tức hoãn lại. Hội đồng biểu quyết trực tiếp chỉ tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và nghị định của quyền dự họp ít nhất 51% thành phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp hội nghị lần thứ hai không tiến hành do không có số biểu quyết trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội, hội đồng lập tức hoãn lại ba có thể trực tiếp trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày diễn ra hội nghị lần hai, và trong trường hợp này hội đồng tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay nghị định của quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà hội đồng lập tức hoãn lại có thể phê chuẩn.

4. Theo nghị quyết của hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã công bố kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điểm 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng

1. Vào ngày tổ chức họp hội đồng, Công ty phải thực hiện tất cả các công việc và phải thực hiện việc công bố khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đầy đủ.

2. Khi tiến hành công bố, Công ty sẽ cho tất cả các cổ đông hoặc nghị định của quyền có quyền biểu quyết mặt bằng biểu quyết, trên đó có ghi số phiếu, họ và tên các cổ đông, họ và tên nghị định của quyền và số phiếu biểu quyết của các cổ đông. Khi tiến hành biểu quyết tại hội, sẽ thống nhất quy tắc thu thập, số phiếu nhận được quy tắc thu thập, cuối cùng sẽ thống nhất số phiếu tán thành hay phản đối quy tắc. Tổng số phiếu nhận được, phần trăm số phiếu nhận được, số phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết và số. Hội đồng sẽ thống nhất số biểu quyết của chủ tịch nhiệm kỳ mới hoặc giám sát viên và nếu hội đồng không chọn thì Chủ tịch sẽ chọn người khác. Số thành viên của ban kiểm tra không quá ba người.

3. Công bố dự họp hội đồng của quyền công bố ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại hội. Chủ tịch không có trách nhiệm đối với hội đồng cho công bố của quyền công bố và hội đồng các biểu quyết của tiến hành trực tiếp khi công bố của quyền tham dự sẽ không bị hủy bỏ.

4. i h i n g c ô n g s do Ch t ch H i n g qu n tr ch trì, tr n g h p Ch t ch H i n g qu n tr v n g m t thì Phó Ch t ch H i n g qu n tr ho c là n g i c i h i n g c ô n g b u ra s ch trì. Tr n g h p không ai trong s h có th ch trì i h i, thành viên H i n g qu n tr ch c v cao nh t có m t s t ch c h p b u ra Ch t a c a i h i n g c ô n g, Ch t a không nh t thì t ph i là thành viên H i n g qu n tr. Ch t ch, Phó Ch t ch ho c Ch t a c i h i n g c ô n g b u ra c m t th ký l p biên b n i h i. Tr n g h p b u Ch t a, tên Ch t a c c và s phi u b u cho Ch t a ph i c công b .

5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch n g trình c a i h i n g c ô n g s mang tính phán quy t cao nh t.

6. Ch to i h i n g c ô n g có th hoãn h p i h i ngay c trong tr n g h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do ch to quy t nh mà không c n l y ý ki n c a i h i n u nh n th y r n g (a) các thành viên tham d không th có ch n g i thu n t i n a i m t ch c i h i, (b) hành vi c a nh n g n g i có m t làm m t tr t t ho c có kh n n g làm m t tr t t c a cu c h p ho c (c) s trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c t i n hành m t cách h p l . Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i n g c ô n g ã có s l n g i bi u đ h p c n thi t. Th i gian hoãn t i a không quá ba ngày k t ngày đ nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

7. Tr n g h p ch t a hoãn ho c t m đ n g h p i h i n g c ô n g trái v i quy nh t i kho n 6 i u 19, i h i n g c ô n g b u m t n g i khác trong số nh n g thành viên tham d thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc và hi u l c các bi u quy t t i cu c h p ó không b nh h n g.

8. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th t i n hành các ho t n g mà h th y c n thi t i u khi n i h i n g c ô n g m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .

9. H i n g qu n tr có th yêu c u các c ô n g ho c i di n c u quy n tham d i h i n g c ô n g ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i n g qu n tr cho là thích h p. Tr n g h p có c ô n g ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh n g quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, H i n g qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr n g có th t ch i ho c tr c xu t c ô n g ho c i di n nói trên tham gia i h i.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng quản trị cho là thích hợp:

- a. Điều chỉnh số lượng cổ phiếu mua lại chính thức của công ty;
- b. Bổ nhiệm toàn bộ thành viên có thẩm quyền;
- c. Tổ chức họp của công ty (hoặc tổ chức họp) khác.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên của Hội đồng quản trị theo nhu cầu. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào các hồ sơ đăng ký hình thức khác.

11. Trong trường hợp điều chỉnh công ty có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định thẩm quyền có thể:

- a. Thông báo rằng điều chỉnh thẩm quyền hành động của công ty ghi trong thông báo và cho rằng điều chỉnh có thẩm quyền (“ thẩm quyền chính của điều chỉnh”);
- b. Bất cứ, tất cả những công ty hoặc cá nhân cụ thể quy định không được phép theo điều khoản này hoặc những người mua tham gia thẩm quyền khác với thẩm quyền chính của điều chỉnh có thể ngừng tham gia điều chỉnh;

Thông báo về việc tất cả điều chỉnh không cần nêu chi tiết những biện pháp tất cả theo điều khoản này.

12. Trong điều lệ này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi công ty đều coi là tham gia điều chỉnh thẩm quyền chính của điều chỉnh.

Hàng năm Công ty phải thực hiện điều chỉnh công ty ít nhất một lần. Điều chỉnh công ty hàng năm không thể thực hiện hình thức ký kết bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quy định của điều chỉnh công ty

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quy định của điều chỉnh công ty và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công ty có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có thẩm quyền điều chỉnh công ty.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Các quy định của Điều lệ Công ty liên quan đến việc mua và bán chứng khoán, loại phí và số lượng chứng khoán chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kê khai toán gần nhất sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công ty có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại Điều lệ Công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục ký kết Công bằng văn bản thông qua quy định của Điều lệ Công ty

Thẩm quyền và thủ tục ký kết Công bằng văn bản thông qua quy định của Điều lệ Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền ký kết Công bằng văn bản thông qua quy định của Điều lệ Công ty bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đầy đủ lý do, danh sách quy định của Điều lệ Công ty và các tài liệu ghi trình danh sách quy định. Phiếu lý do kèm theo danh sách quy định và tài liệu ghi trình phải có ghi rõ nội dung, mục đích, mục đích và thời gian thực hiện;
3. Phiếu lý do phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích ký kết;
 - c. Họ, tên, địa chỉ, chức vụ, quê quán, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công ty hoặc đại diện theo quyền của công ty là tổ chức; số lượng thành viên và số phiếu biểu quyết của công ty;
 - d. Văn bản ký kết thông qua quy định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải ghi vào công ty phiếu lý do đã kê khai;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lý do đã kê khai phải có chữ ký của công ty là cá nhân, của người đại diện theo quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty là tổ chức.

Phi u l y ý k i n g i v công ty ph i c ã ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi k i m phi u. Các phi u l y ý k i n g i v công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý k i n h o c ã b m u không h p l ;

5. H i ã ng qu n tr k i m phi u và l p biên b n k i m phi u đ i s ch ng k i n c a Ban k i m soát h o c c a c ã ng không n m gi ch c v qu n lý công ty. Biên b n k i m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

- a. Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ã ng ký kinh doanh, n i ã ng ký kinh doanh;
- b. M c ích và các v n c n l y ý k i n ã thông qua quy t nh;
- c. S c ã ng v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách c ã ng tham gia bi u quy t;
- d. T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý k i n i v i t ng v n ;
- e. Các quy t nh ã c thông qua;
- f. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ã ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a công ty và c a ng i giám sát k i m phi u.

Các thành viên H i ã ng qu n tr và ng i giám sát k i m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n k i m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh ã c thông qua do k i m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Biên b n k t qu k i m phi u ph i c g i n các c ã ng trong th i vòng m i l m ngày, k t ngày k t thúc k i m phi u;

7. Phi u l y ý k i n ã c tr l i, biên b n k i m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý k i n u ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty;

8. Quy t nh ã c thông qua theo hình th c l y ý k i n c ã ng b ng v n b n có giá tr nh quy t nh ã c thông qua t i cu c h p i h i ã ng c ã ng.

i u 22. Biên b n h p i h i ã ng c ã ng

Ng i ch trì i h i ã ng c ã ng ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ã ng c ã ng và g i cho t t c các c ã ng trong vòng 15 ngày khi i h i ã ng c ã ng k t thúc. Biên b n i h i ã ng c ã ng c coi là b ng ch ng xác th c v nh ã ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ã ng c ã ng tr khi có ý k i n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng t i ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký, và

cl p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và t i i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ông đ h p và v n b n u quy n tham đ ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

đ i u 23. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, Ban ki m soát có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t này và i u l công ty;
2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l công ty.

VII. H I NG QU N TR

đ i u 24. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i do i h i ng c ông b u theo ph ng th c b u đ n phi u. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p không i u hành ph i chi m ít nh t m t ph n ba t ng s thành viên H i ng qu n tr .

2. Các c ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi n đ i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% n đ i 30% c c hai thành viên; t 30% n đ i 50% c c ba thành viên; t 50% n đ i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

3. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tính cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không tính cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp nước ngoài cấm làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gia nhập ngành nghề xin tính cách thành viên chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rớt tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có năng lực chuyên môn chuyên ngành đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyền cho các thành viên này bầu thay;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Hội đồng.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải chấp thuận từ Hội đồng ngay tiếp sau đó. Sau khi chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sẽ có hiệu lực vào ngày Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là công nhân viên chức của Công ty.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có quyền hạn thực hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Hội đồng.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quy định của Hội đồng quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có năng lực quy định và nhiệm vụ sau:

- a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của công ty thông qua;
 - c. Nhiệm vụ và bổn phận các cán bộ quản lý công ty theo nghị quyết của Tổng giám đốc và quy định của công ty;
 - d. Quy định về tổ chức của Công ty;
 - e. Giám định quy định các khiếu nại của Công ty và vị trí cán bộ quản lý công nhân quy định của công ty và giám định quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của công nhân quản lý;
 - f. Xuất các loại chứng từ có thể phát hành và chứng từ phát hành theo từng loại;
 - g. Xuất văn bản phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành chứng khoán và các chứng quy định cho phép người mua chứng khoán theo mức giá nhất định;
 - h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chứng khoán và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Nhiệm vụ, bổn phận, cách thức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc giám định của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bổn phận nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhà quản lý bổn phận (nếu có);
 - j. Xuất chứng từ hàng năm và xác định chứng từ tài chính; tổ chức văn phòng chi nhánh;
 - k. Xuất văn bản tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty.
4. Nhiệm vụ sau đây thuộc Hội đồng quản trị phê duyệt:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trong phạm vi quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phi độc lập, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về việc thâu tóm, sáp nhập và huỷ bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chức vụ và bổn phận nhà quản lý của Công ty ưu tiên là giám định thẩm định và Luật sư của Công ty;

- e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quỹ ngoại tệ, quỹ ngoại hối, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% số vốn đầu tư;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
 - k. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo những việc công đồng v hoạt động của mình, công đồng là việc giám sát của Hội đồng quản trị và Hội đồng giám sát và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đi diễn giải công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các điều kiện cụ thể quy định thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng công đồng quy định. Khoản thù lao này sẽ chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo tho thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không tho thuận.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải ghi chi tiết trong báo cáo hàng năm của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị không được vi phạm hành (bao gồm các chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trả gộp theo từng lần, lần, ngày,

hoa hàng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền quyết định thanh toán tất cả các chi phí lãi, n, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc đi tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc hội đồng.

Điều 26. Chức vụ, Phó Chức vụ Hội đồng quản trị

1. Hội đồng công ty hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị Ủy ban Giám sát và Kiểm soát Phó Giám sát. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Chức vụ Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chức vụ Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công ty hàng năm.

2. Chức vụ Hội đồng quản trị có trách nhiệm trực tiếp và chịu trách nhiệm cuối cùng về Hội đồng công ty và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có nhiệm vụ quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chức vụ có các quyền và nghĩa vụ như Chức vụ trong trường hợp Phó Chức vụ quy định như chức vụ trong trường hợp Chức vụ đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc một khi nhận nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chức vụ không chỉ định Phó Chức vụ hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chức vụ. Trường hợp Chức vụ và Phó Chức vụ tạm thời không thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ thực hiện nhiệm vụ của Chức vụ theo nguyên tắc đã nêu ở trên.

3. Chức vụ Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan;

4. Trường hợp Chức vụ và Phó Chức vụ Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

i u 27. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. Các cu c h p th ng k . Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t b y ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.

3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

- a. T ng giám c ho c ít nh t n m cán b qu n lý;
- b. Hai thành viên H i ng qu n tr ;
- c. Ch t ch H i ng qu n tr ;
- d. a s thành viên Ban ki m soát.

4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 27 ph i c ti n hành trong th i h n m i l m ngày sau khi có xu t h p. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 27 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p. Các cu c h p H i ng qu n tr s c ti n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

7. Thông báo và ch ng trình h p. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ng có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v

những văn bản có bản gốc và bản quy tắc cụ thể của Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể chấp.

Thông báo miệng bằng văn bản, fax, điện thoại công cộng khác, những phương tiện truyền thông thành viên Hội đồng quản trị công ký tự công ty.

8. Các thành viên tham dự thi đấu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành và thông qua các quy định khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại thay thế.

9. Bản quy tắc.

a. Theo quy định tại Khoản 9b điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền trực tiếp có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có mặt phụ lục quy tắc;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có bản quy tắc các hợp đồng, các giao dịch hoặc xu hướng mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng sẽ không tính vào số lượng người biểu quyết tại cuộc họp có mặt có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị và những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến việc lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những văn bản đó không có ghi quy tắc bằng sự đồng ý của người biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những văn bản phát sinh sẽ chuyển tới ủy ban chấp hành và phân quyết của ủy ban liên quan tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quy định chung, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chỉ ảnh hưởng công việc một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản quy định tại điều 33.4a và điều 33.4b của Điều lệ này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp bằng văn bản quy định tại Điều lệ này hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bản thân là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bằng văn bản nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Mỗi thành viên này có thể công khai điều kiện cụ thể của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biểu thị rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Bi u quy t a s . H i ng qu n tr thông qua các ngh quy t và ra quy t nh b ng cách tuân theo ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, lá phi u c a Ch t ch s là lá phi u quy t nh.

12. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b. N u mu n, ng i ó có th phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

Vì c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác (k c vi c s d ng ph ng ti n này di n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k th p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n di n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t b ng v n b n. Ngh quy t b ng v n b n ph i có ch ký c a t t c nh ng thành viên H i ng qu n tr sau ây:

a. Thành viên có quy n bi u quy t v ngh quy t t i cu c h p H i ng qu n tr ;

b. S l ng thành viên có m t không th p h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh t i n hành h p H i ng qu n tr .

Ngh quy t lo i này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l . Ngh quy t có th c thông qua b ng cách s d ng nhi u b n sao c a cùng m t v n b n n u m i b n sao ó có ít nh t m t ch ký c a thành viên.

14. Biên b n h p H i ng qu n tr . Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem

những thành viên công việc đã tiến hành trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn một ngày kể khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị công ty phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các thành viên của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các ủy ban trực thuộc. Thành viên của ủy ban có thể tạm thời hoặc vĩnh viễn thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định của ủy ban, các ủy ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể thay đổi hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các ủy ban nêu trên và cho phép người có quyền biểu quyết về việc cách thành viên của ủy ban như (a) phải mời số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của ủy ban và (b) quy định của các ủy ban chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý của thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên ủy ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể trong trường hợp việc biểu quyết của thành viên của ủy ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và giám sát lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bổ nhiệm một người quy định thông qua một cách hợp pháp.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Tổng giám đốc và các sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ những điều kiện. Cán bộ quản lý phải có sự đồng ý của các hội đồng và tất cả các Công ty trước các mục tiêu của.

2. Mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với những cán bộ

quy định khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng giám đốc.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của Hội đồng giám đốc

1. Nhiệm vụ. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Hội đồng giám đốc và ký hợp đồng quy định nhiệm vụ, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng giám đốc phải được báo cáo trong báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm và được nêu trong báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Hội đồng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Hội đồng giám đốc tối đa là ba năm kể từ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hoãn lại để chuyển vào các quy định về hưu trí. Hội đồng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người là thành viên, người không có quyền hành vi, người đã bị tước quyền, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên công an, cảnh sát, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ đang lãnh đạo trở nên phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Hội đồng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và báo cáo tình hình kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Hội đồng giám đốc thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thanh toán, mua và bán hành hoặc chứng khoán kinh doanh thông qua Công ty theo những thông lệ quy định;

c. Kiến nghị số lương và các lợi ích cán bộ quản lý mà công ty cần thuê Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các cơ cấu quản lý từ do Hội đồng quản trị quyết định, và từ việc Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quyết định số lương người lao động, nhiệm vụ, trách nhiệm, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp kế hoạch tài chính năm nay.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Xuất nghiệp bản pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chọn các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bản cân đối toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phê duyệt trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt báo cáo thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và Hội đồng cơ quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định nhân sự giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trình lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bãi nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại việc bãi nhiệm này tại Hội đồng cơ quan tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thụ ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thụ ký Công ty với nhiệm vụ và nhiệm quyền theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thụ ký Công ty khi cần nếu không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thụ ký Công ty tương ứng với vị trí. Vai trò và nhiệm vụ của Thụ ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ghi chép công việc theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tập hợp và trình bày các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thụ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định pháp luật và nội bộ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của các chủ sở hữu mà không vì lợi ích cá nhân hay lợi ích của bất kỳ cá nhân nào khác.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có thể thuộc về của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể có được thông qua các phương tiện kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những

ít nêu trên chỉ có sự đồng ý của Hội đồng quản trị khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định không truy cứu vụ này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà nhân viên này có các lợi ích tài chính, trừ khi Hội đồng có quy định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc nhân viên liên quan của công ty, bất kể, hiện tại, hoặc tương lai mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc nhân viên liên quan của công ty là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì nhân viên quan hệ với nó, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì nhân viên hoặc chủ sở hữu của công ty tính khi bị quy định có ích lợi, như:

a. Nếu giá trị hợp đồng có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên quản trị hoặc hợp đồng hoặc giao dịch của công ty các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc ủy ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phi nhân thành của nhân viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Nếu nhân viên hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên quản trị hoặc hợp đồng hoặc giao dịch này của công ty các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định bị quy định rõ ràng, và nhân viên công đồng đã phi nhân thành của hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó có một phần hoặc một phần cho là công bố và hợp lý xét trên mối quan hệ liên quan của các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay nhân viên có liên quan của công ty không được phép mua hoặc bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác của phi nhân của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm hiện tại có nhân viên thông tin của công ty gây ra hoặc giá của nhân viên phi nhân và các công đồng khác lợi ích không bị thông tin này.

i u 34. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và cán b qu n lý vi ph m ngh a v hành ng m t cách trung th c, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. B i th ng. Công ty s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c ti n hành cho dù ây là v i c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Công ty th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Công ty) n u ng i ó ã ho c ang là thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c là i đi n c Công ty (hay công ty con c a Công ty) u quy n, ho c ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty (hay công ty con c a Công ty) v i t cách thành viên H i ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c i đi n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác. Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v i c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có s phát hi n hay xác nh n nào r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Công ty có quy n mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

X. BAN KI M SOÁT

i u 35. Thành viên Ban ki m soát

1. S l ng thành viên Ban ki m soát ph i có t ba (03) n n m (05) thành viên. Trong Ban ki m soát ph i có ít nh t m t thành viên là ng i có chuyên môn v tài chính k toán. Thành viên này không ph i là nhân viên trong b ph n k toán, tài chính c a công ty và không ph i là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p ang th c hi n vi c ki m toán các báo cáo tài chính c a công ty. Ban ki m soát ph i ch nh m t thành viên là c ông c a công ty làm Tr ng ban. Tr ng ban ki m soát có các quy n và trách nhi m sau:

a. Tri u t p cu c h p Ban ki m soát và ho t ng v i t cách là Tr ng ban ki m soát;

b. Yêu c u Công ty cung c p các thông tin liên quan báo cáo các thành viên c a Ban ki m soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên Hội đồng.

2. Công nợ ngắn hạn 10% của phần có quy định bị ưu quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp ưu vào với nhau của các thành viên vào Ban kiểm soát. Công nợ nhóm công nợ ngắn hạn dưới 10% của phần có quy định bị ưu quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% đến 30% của các hai thành viên; từ 30% đến 50% của các ba thành viên; từ 50% đến 65% của các bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng bầu theo phương thức bầu dần ưu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên có bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên có bị cấm công việc văn bản thông báo công bố tin tức chính cho Công ty;

c. Thành viên có bị rớt tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh họ không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên vắng mặt và đã phân quyền cho các vị khác này bầu thay;

e. Thành viên có bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quy định và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Xuất lập các công ty kiểm toán độc lập, các phí kiểm toán và mức liên quan của rút lui hay bất nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thứ tự ưu tiên kiểm toán viên độc lập và tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu vị trí kiểm toán;

c. Xin ý kiến từ chuyên gia bên ngoài công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;

e. Thờu luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa các cuộc kiểm tra công việc mà kiểm toán viên chấp thuận ban đầu;

f. Xem xét thủ tục quản lý của kiểm toán viên chấp thuận và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan liên quan đến công việc của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký Công ty phải báo cáo rõ ràng toàn bộ bản sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sơ bộ cũng cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng cũng cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ theo quy định của Hội đồng công. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty có nhóm công việc trong Điều 24.2 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền tiếp cận hồ sơ qua luật sư hoặc người khác quy định, nếu cần thiết để kiểm tra trong quá trình làm việc và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công, các biên bản của Hội đồng công và sao chép hoặc trích lục các hồ sơ. Yêu cầu kiểm

tra do phía luật sư i di n ho c i di n c u quy n khác c a c ông ph i kèm theo gi y u quy n c a c ông mà ng i ó i di n ho c m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và cán b qu n lý có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.

4. C ông có quy n c Công ty c p m t b n i u l công ty mi n phí. Tr ng h p công ty có website riêng, i u l này ph i c công b trên website ó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

i u 38. Công nhân viên và công oàn

T ng giám c ph i l p k ho ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c tuyen d ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng b ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Công ty v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Công ty và quy nh pháp lu t hi n hành.

XIII. PHÂN CHIA L I NHU N

i u 39. C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu n gi l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n tr xu t sau khi ã tham kh o ý ki n c ông t i i h i ng c ông.

2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tín dụng trả trước hay khoản tín dụng chi trả liên quan tới một loại chi phí.

4. Hội đồng quản trị có thể nghỉ việc nếu công thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ tài sản thế chấp (như chi phí hoặc trái phiếu đã thanh toán) do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là quan chức thi hành quy tắc này.

5. Trường hợp trả trước hay những khoản tín dụng khác liên quan tới một loại chi phí được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền của Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trừ ngân hàng qua bưu điện tại địa chỉ ngân sách của công ty hàng và trường hợp có rủi ro phát sinh (tại địa chỉ ngân sách của công ty) thì công ty có thể chi trả. Ngoài ra, các khoản tín dụng trả trước hoặc các khoản tín dụng khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại chi phí có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của công ty nhằm cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản trả tiền vào tài khoản ngân hàng của công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty chuyển cho công ty hàng. Việc thanh toán trả tiền về các chi phí nghiệp vụ tại S Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Hội đồng, Hội đồng quản trị có thể quy định và thông báo rằng những người sở hữu phần vốn thông thường của công ty các phần vốn thông thường thay cho các khoản tín dụng mặt. Các phần bổ sung trả trước này được ghi là những phần đã thanh toán nghiệp vụ mua trên cơ sở giá trị của các phần trả trước phần trăm giá trị của tín dụng trả trước.

7. Các Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua quy định quy định những mặt ngày chốt làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Các mặt theo ngày chốt, những người ký viết cách công hoặc người sở hữu các chứng khoán khác quy định những mặt chốt, lãi suất, phân chia lợi nhuận, những mặt chi phí, những mặt thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm khác khi các quy định có thể chi trả. Điều này không nhất thiết quy định về hai bên trong giao dịch chuyển nhượng chi phí hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thể hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NẾM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc ngoài Việt Nam mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quản trị bổ sung vốn

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập dự trữ sau thuế của mình một khoản vào quỹ bổ sung vốn theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ bổ sung 10% vốn lưu động của Công ty.

Điều 43. Nếem tài chính

Nếem tài chính của Công ty bắt đầu ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sẽ dùng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ sổ sách kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung sổ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải được chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ dùng tiếng Việt Nam làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi tài chính theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ

tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban Ch ng khoán Nhà n c, S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán và c quan ng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v lãi và l c a Công ty trong n m tài chính và b n cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Công ty cho n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n t i n t và thuy t minh báo cáo tài chính. Tr ng h p Công ty là m t công ty m , ngoài báo cáo tài chính n m còn ph i bao g m b n cân i k toán t ng h p v tình hình ho t ng c a Công ty và các công ty con vào cu i m i n m tài chính.

3. Công ty ph i l p các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho U ban Ch ng khoán Nhà n c và S Giao d ch Ch ng khoán/ Trung tâm Giao d ch Ch ng khoán.

4. B n tóm t t n i dung báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán ph i c g i t i t t c các c ông và c công b trên nh t báo c a a ph ng và m t t báo kinh t trung ng trong vòng ba s liên ti p. Tr ng h p công ty có website riêng, các báo cáo tài chính c ki m toán, báo cáo quý và sáu tháng c a công ty ph i c công b trên website ó.

5. Các t ch c, cá nhân quan tâm u c quy n ki m tra ho c sao ch p b n báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong gi làm vi c c a Công ty, t i tr s chính c a Công ty và ph i tr m t m c phí h p lý cho vi c sao ch p.

i u 46. Công b thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng n m và các tài li u b tr khác ph i c công b ra công chúng theo nh ng quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

XVI. KI M TOÁN CÔNG TY

i u 47. Ki m toán

1. T i i h i ng c ông th ng niên s ch nh m t công ty ki m toán c l p, ho t ng h p pháp t i Vi t Nam và c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ki m toán cho các công ty niêm y t, t i n hành các ho t ng ki m toán Công ty cho n m tài chính t i p theo d a trên nh ng i u kho n và i u ki n tho thu n v i H i ng qu n tr .

2. Công ty sẽ phải chịu phạt và ghi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kế toán công lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kế toán công lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho ban kiểm soát các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kế toán công lập thực hiện việc kế toán cho Công ty phải có Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Mọi bản sao của báo cáo kế toán sẽ phải được gửi kèm với miễn báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kế toán viên thực hiện việc kế toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp hội đồng công và các quy định các thông báo và các thông tin khác liên quan đến hội đồng công mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ hội đồng công có liên quan đến kế toán.

XVII. CON D U

Điều 48. Con d u

1. Hội đồng quản trị sẽ quy định thông qua con d u chính thức của Công ty và con d u khác theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và quản lý con d u theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

Điều 49. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
- b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trực tiếp thời hạn theo quy định của hội đồng công.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trực tiếp thời hạn (kể thời hạn đã gia hạn) do hội đồng công quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (n ub t bu c) theo quy định.

Điểm 50. Trường hợp bắt buộc các thành viên Hội đồng quản trị và công

Trường hợp này có quy định khác, các công nhân giám sát các phi công làm hành có quy định quy định trong bộ thành viên Hội đồng quản trị có quy định khi unit yêu cầu thì theo thay thế các công nhân sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không tham gia trong quản lý các công việc của Công ty dân tình trạng không thực sự phi công thì theo quy định Hội đồng quản trị hoặc.

2. Các công nhân không tham gia nên không thực sự phi công thì theo quy định tiến hành bộ thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh công nhân chia rẽ khi cần cho việc gì thì sự là phương án có lợi nhất cho toàn thể công nhân.

Điểm 51. Thanh lý

1. Từ tháng sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoặc của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định ghi định Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do hội đồng công nhân và một thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ công ty kế toán công lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy định hoặc của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Công ty hoặc chuyên gia công lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoặc. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý sẽ thay thế Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu về từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bồi đắp cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (e) trên đây sẽ phân chia cho các công nhân. Các công nhân ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giới quy định tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi union có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các công nhân phát sinh từ luật hay từ bất cứ quy định nào của Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, gồm:

- a. Công nhân Công ty; hoặc
- b. Công nhân Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp thông qua thủ tục lắng nghe và hoà giải. Tranh chấp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ từ vị trí giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Tranh chấp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chuyên gia độc lập hành động với cách là trợ tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Tranh chấp không thuộc quy định hoà giải trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Tòa án kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thủ tục lắng nghe và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SAU ĐIỀU

Điều 53. Bổ sung và sau điều

1. Việc bổ sung, sửa đổi điều này phải được Hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác về những điều khoản trong điều này thì những quy định của pháp luật đó sẽ áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HI UL C

i u 54. Ngày hi ul c

1. B n i ul này g m XXI ch ng 55 i u, c i h i ng c ông Công ty nh t trí thông qua ngày 31 tháng 12 n m 2009 và cùng ch p thu n hi ul c toàn v n c a i u l này .

2. i ul c l p thành 10 b n, có giá tr nh nhau, trong ó:

a. 01 b n n p t i Phòng công ch ng Nhà n c c a a ph ng

b. 05 b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh c a U ban nhân dân TP.HCM

c. 04 b n l u tr t i V n phòng Công ty

3. i ul này là duy nh t và chính th c c a Công ty. i ul này thay th i ul c c a Công ty c thông qua ngày 8 tháng 8 n m 2009

4. Các b n sao ho c trích l c i ul Công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai t ng s thành viên H i ng qu n tr m i có giá tr .

i u 55. Ch ký c a Ng i i di n tr c pháp lu t./.

Tp. H Chí Minh, ngày 31 tháng 12 n m 2009

**TM. CÔNG TY C PH N PHÁT TRI N
H T NG VÀ B T NG S N THÁI BÌNH D NG
Ch t ch H i ng qu n tr - T ng giám c
(ã ký)**

Ph m c T n